

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 7 – THANH HÓA

Bản án số: 06/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 15 – 01 - 2026

V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 - THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Văn Hải

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Tường Vân

2. Bà Mai Thị Trang

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Hồng Nhung - Thư ký Toà án nhân dân khu vực 7 - Thanh Hoá.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 - Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Ông Bùi Đức Tuấn- Kiểm sát viên

Ngày 15 tháng 01 năm 2026, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 7 - Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 73/2025/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 10 năm 2025 về việc Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 59/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 12 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 41/2025/QĐST – HNGĐ ngày 30/12/2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trần Thị V; sinh năm: 1985

Số căn cước công dân: 040185031756

Địa chỉ: Xóm T, xã N, tỉnh Nghệ An.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Nguyên đơn: Bà Bùi Thị Bích P, sinh năm 1990 – Luật sư công ty Luật TNHH Bùi Phương

Địa chỉ: Số B đường L, phường H, tỉnh Thanh Hóa.

- Bị đơn: Anh Bùi Văn C; sinh năm: 1985

Số căn cước công dân: 038085049760

Địa chỉ: Thôn T, xã T, tỉnh Thanh Hóa.

Tại phiên tòa vắng mặt chị V, bà P và anh C (Chị V và bà P có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh C vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2 không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Trần Thị V trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh C kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, được gia đình 2 bên tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương và có đăng ký kết hôn ngày 31/10/2008 tại UBND xã N, huyện N - Nay là UBND xã N, tỉnh Nghệ An. Sau khi kết hôn vợ, chồng sống hòa thuận đến cuối năm 2011 thì bắt đầu xảy ra mâu thuẫn trầm trọng. Nguyên nhân là do vợ chồng không cùng quan điểm sống, không có tiếng nói chung nên thường xuyên xảy ra cãi vã, dẫn đến mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Chị và anh C đã sống ly thân từ năm 2011 không ai quan tâm đến ai. Đến nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nữa nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Bùi Văn C.

Về con chung: Vợ, chồng có 02 con chung là cháu Bùi Đình Đ, sinh ngày 12/02/2008 và cháu Bùi Trần Bảo L, sinh ngày 25/03/2012. Từ khi vợ, chồng sống ly thân hai con ở với chị và được chị trực tiếp chăm sóc, giáo dục. Sau khi ly hôn chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con và không yêu cầu anh C phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

Về tài sản: Chị V không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án bị đơn là anh Bùi Văn C trình bày:

Về hôn nhân: Anh và chị Trần Thị V kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 31/10/2008 tại UBND xã N, huyện N - Nay là UBND xã N, tỉnh Nghệ An. Sau khi kết hôn vợ, chồng sống hòa thuận được một thời gian thì bắt đầu xảy ra mâu thuẫn trầm trọng. Nguyên nhân là do vợ chồng không cùng quan điểm sống, tính tình không hợp. vợ, chồng đã sống ly thân từ năm 2011 không ai quan tâm đến ai. Đến nay anh cũng xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nữa nên anh đồng ý ly hôn với chị V

Về con chung: Vợ, chồng có 02 con chung là cháu Bùi Đình Đ, sinh ngày 12/02/2008 và cháu Bùi Trần Bảo L, sinh ngày 25/03/2012. Sau khi ly hôn anh đồng ý giao cả hai con cho chị V trực tiếp nuôi dưỡng, anh không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị V.

Về tài sản: Anh C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử (sau đây viết tắt là HĐXX), Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự (sau đây viết tắt là BLTTDS); nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng, bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 51; 56; 58; 81; 82; 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Về hôn nhân: Xử cho chị Trần Thị V được ly hôn với anh Bùi Văn C. Về con chung: Giao cháu Bùi Đình Đ, sinh ngày 12/02/2008 và cháu Bùi Trần Bảo L, sinh ngày 25/03/2012 cho chị Trần Thị V trực tiếp nuôi dưỡng, anh C không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị V. Về án phí: Chị V phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Trần Thị V khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết về ly hôn đối với anh Bùi Văn C. Anh C cư trú tại Thôn T, xã T, tỉnh Thanh Hóa. Nên xác định đây là vụ án ly hôn, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 7 - Thanh Hóa, theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn là chị Trần Thị V có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải và xin giải quyết vắng mặt đây là trường hợp không tiến hành hoà giải được theo quy định tại khoản 1 điều 207 BLTTDS.

Anh C cũng đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai đến tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Chị V và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của chị V có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228 BLTTDS, tòa án xét xử vắng mặt các đương sự.

[2]. Về hôn nhân: Chị Trần Thị V và anh Bùi Văn C kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 31/10/2008 tại UBND xã N, huyện N - Nay là UBND xã N, tỉnh Nghệ An và không vi phạm các điều cấm của Luật hôn nhân và gia đình, là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn thì vợ, chồng sống hòa thuận được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hòa hợp, không cùng quan điểm sống nên thường xuyên xảy ra cãi vã. Chị V và anh C đã sống ly thân từ năm 2011 đến nay không ai quan tâm đến ai. Điều đó chứng tỏ tình trạng hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó căn cứ Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 xử cho chị Trần Thị V ly hôn với anh Bùi Văn C là phù hợp.

[3] Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Bùi Đình Đ, sinh ngày 12/02/2008 và cháu Bùi Trần Bảo L, sinh ngày 25/03/2012. Quá trình giải quyết vụ án chị V và anh C đều có ý kiến là khi ly hôn giao cả hai con cho chị V trực tiếp nuôi dưỡng, anh C không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị V. Nguyên vọng của cháu L và cháu Đ đều muốn được ở với mẹ. Hội đồng xét xử xét thấy từ khi ly thân đến nay chị V đang trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con. Nhằm đảm bảo sự phát triển ổn định về mọi mặt cho các con. Nên chấp nhận yêu cầu của chị V và anh C giao cả hai con cho chị Trần Thị V trực tiếp nuôi dưỡng, anh C không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị V là phù hợp, đúng quy định của pháp luật

[4]. Về tài sản: Chị V và anh C không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Chị Trần Thị V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn theo quy định của pháp luật. Số tiền chị V đã nộp tạm ứng án phí được trừ vào số tiền án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56; 58; 81; 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 6; điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Trần Thị V được ly hôn anh Bùi Văn C.
2. Về con chung: Giao cháu Bùi Đình Đ, sinh ngày 12/02/2008 và cháu Bùi Trần Bảo L, sinh ngày 25/03/2012 cho chị Trần Thị V trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Bùi Văn C không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Trần Thị V.
Anh Bùi Văn C có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở.
3. Về án phí: Chị Trần Thị V phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đ (Ba trăm nghìn đồng) chị V đã nộp tạm ứng tại Phòng thi hành án dân sự khu vực 7 – Thanh Hóa, theo biên lai số 0001633 ngày 15/10/2025. Chị Trần Thị V đã nộp đủ tiền án phí sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm vắng mặt chị Trần Thị V và anh Bùi Văn C. Chị V và anh C có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND khu vực 7 – Thanh Hóa;
- UBND xã Nghĩa Đàn, tỉnh Nghệ An;
- THAD tỉnh Thanh Hoá;
- TAND tỉnh Thanh Hoá;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ Tọa phiên tòa

Bùi Văn Hải

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Tường Vân

Lê Văn Hoàn

Bùi Văn Hải

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Mạnh Thìn

Trần Thị Dần

Bùi Văn Hải